

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NGÃ BẢY  
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18/5/2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NGÃ BẢY - TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Việt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Tước

2. Ông Lữ Văn Công

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Vũ Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về Tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXX-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm: 1977 (Có mặt)

Trú tại: Khu vực A, phường H, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1970 (Vắng mặt)

Trú tại: Khu vực C, phường H, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 22/3/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn T tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến, không hợp nhau về tính cách bà L và ông T thường xuyên cãi nhau và tự ly thân nhiều năm. Do bà L và ông T không có đăng ký kết hôn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Hữu Đ, giới tính: Nam, sinh ngày: 02/5/1995 và cháu Nguyễn Hữu T, giới tính: Nam, sinh ngày: 29/3/1998 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Hồng L là đúng về thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn. Ông T và bà L sống chung như vợ chồng nào năm 1994 không có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung cả hai xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay ông T đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Hữu Đ, giới tính: Nam, sinh ngày: 02/5/1995 và cháu Nguyễn Hữu T, giới tính: Nam, sinh ngày: 29/3/1998 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng, về con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết, về tài sản chung và nợ chung đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định pháp luật

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1994 có tổ chức lễ cưới theo truyền thống, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung do bất đồng ý kiến với nhau trong quan điểm sống, không hợp nhau bà L và ông T đã ly thân từ năm 2015. Xét quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn T không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của

Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Điều 14, Điều 53 thì hôn nhân giữa ông, bà không được pháp luật thừa nhận do đó khi có yêu cầu xin ly hôn Tòa án không công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Hữu Đ, giới tính: Nam, sinh ngày: 02/5/1995 và cháu Nguyễn Hữu T, giới tính: Nam, sinh ngày: 29/3/1998 hiện đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7]. Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng:* Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1, Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

*- Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008167 ngày 22/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Nguyên đơn không phải nộp thêm.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú./.

7. Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**\*Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Viện KSND Tp. Ngã Bảy;
- Chi cục THADS Tp. Ngã Bảy;
- Các đương sự;
- UBND. P. Ngã Bảy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quốc Việt**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các hội thẩm nhân dân

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quốc Việt**

**\*Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Viện KSND Tp. Ngã Bảy;
- Chi cục THADS Tp. Ngã Bảy;
- Các đương sự;
- UBND. P. Ngã Bảy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quốc Việt**

